ÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NĂM CĂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2023/DS-ST
Ngày: 18-04-2023
V/v tranh chấp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Đính;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Thống;

Ông Vũ Xuân Chính.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thúy Linh – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2022/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2022 về "Tranh chấp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 3 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2023/QĐ-ST ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn H, sinh năm: 1982.

Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Thanh T1, sinh năm 1980 (xin vắng); Địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau; đại diện theo ủy quyền.

Bị đơn: Bà Lê Thị T, sinh năm: 1986 (vắng mặt).

Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1985 (chồng bà T, vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: Khóm 7, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28/11/2022 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Huỳnh Văn H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày yêu cầu của nguyên đơn:

Ông H có tham gia hụi do vợ chồng bà T, ông Q làm chủ và vợ chồng bà T ông Q có tham gia hụi do ông H làm chủ, loại hụi bỏ thăm cao được hốt, chủ hụi có hưởng huê hồng, cụ thể:

- Hụi do bà T ông Q làm chủ:

Dây hụi 2.000.000 đồng, mở ngày 01/02/2021 âm lịch, gồm 28 chưng, hụi một tháng khui 01 lần, ông H tham gia 05 chưng, hốt 01 chưng kỳ 17, còn lại 04 chưng hụi sống, hụi khui được 19 kỳ thì đình hụi; đôi bên đối chiếu hụi sống 04 chưng x 19 kỳ là 152.000.000 đồng, trừ 01 chưng hụi chết còn 09 kỳ là 18.000.000 đồng, cấn trừ với nhau dây hụi này nợ 134.000.000 đồng.

Dây hụi 1.000.000 đồng mở ngày 30/01/2022 âm lịch, gồm 30 chưng, hụi một tháng khui 02 lần vào ngày 15 và 30 hàng tháng, ông H tham gia 02 chưng, có hốt 01 chưng nhưng chưa giao tiền mà tuyên bố đình hụi, sau khi đình hụi có đưa 5.000.000 đồng, hụi đã đóng 15 kỳ x 02 chưng x 1.000.000 đ/chưng là 30.000.000 đồng, trừ 5.000.000 đồng còn lại 25.000.000 đồng.

- Hụi do ông H làm chủ:

Hụi 1.000.000 đồng mở ngày 15/3/2022 âm lịch, gồm 52 chưng, hụi khui vào ngày 15 và 30 âm lịch hàng tháng, bà T và ông Q tham gia 02 chưng đã hốt 01 chưng vào kỳ thứ 4 thăm bỏ 450.000 đồng, 01 chưng hốt vào kỳ thứ 9 thăm bỏ 500.000 đồng. Bà T và ông Q đóng hụi chết hết kỳ thứ 14 thì ngưng không đóng, tính đến mãn hụi còn nợ 38 kỳ là 76.000.000 đồng; ông H tràn hụi từ kỳ khui hụi thứ 15 là ngày 15/10/2022 âm lịch cho đến ngày xét xử sơ thẩm 11 kỳ x 02 chưng là 22.000.000 đồng, đối với 27 kỳ hụi chưa mãn chưa tràn xin nhận lại phần gốc đã giao cho bị đơn.

Về lãi suất: Không yêu cầu.

Bị đơn bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà bà T, ông Q không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với vụ việc. Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải 02 lần đương sự vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa: Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên không có kiến nghị.

Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn tiền hụi 209.350.000 đồng; Án phí bị đơn phải chịu theo quy định pháp luật, nguyên đơn có nộp tạm ứng án phí được nhận lại toàn bộ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Nguyên đơn và đại diện của nguyên đơn xác định, giao dịch giữa nguyên đơn và bị đơn là giao dịch dân sự, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự; Nguyên đơn cam đoan chỉ gửi đơn khởi kiện tại Tòa án không có gửi đơn đến cơ quan nào khác. Do đó Tòa án thụ lý theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn bà Lê Thị T, ông Trần Văn Q. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà Lê Thị T, ông Trần Văn Q.

[2] Về nội dung:

[1.2] Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp

Ông H khởi kiện vợ chồng bà T, ông Q yêu cầu thanh toán tiền nợ hụi, quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp tiền hụi".

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn

Ông H khởi kiện cho rằng bà T và ông Q nợ tiền hụi do vợ chồng bà T làm chủ, hụi do ông H làm chủ; việc đình hụi và không đóng hụi chết của vợ chồng bà T làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của ông H nên có cơ sở xem xét yêu cầu khởi kiện của ông H.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về tiền hụi do phía bị đơn làm chủ và do nguyên đơn làm chủ, Thấy rằng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm mở phiên tòa, phía bị đơn vợ chồng bà T không có ý kiến phản đối về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Hụi do vợ chồng bà T làm chủ: Ông H tham gia 05 chưng hụi của dây hụi 1.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp danh sách hụi, Tòa án xác minh những người tham gia dây hụi 2.000.000 đồng và 1.000.000 đồng do bà T làm chủ thể hiện: Dây hụi 2.000.000 đồng ông H có tham gia 05 chưng và đã hốt 01 chưng, trong danh sách hụi ghi tên "H" số thứ tự 13, 14, 15, 16, 17 số điện thoại 0915696282 là của ông H (bút lục số 04, 41, 53); dây hụi 1.000.000 đồng ông H tham gia 02 chưng và hốt 01 chưng, trong danh sách hụi tên "H" số thứ tự 24, 25 là của ông H (bút lục số 05, 46, 48, 51). Từ những chứng cứ trên có cơ sở xác định ông H có tham gia 02 dây hụi nêu trên của vợ chồng bà T. Tính từ ngày khui hụi đầu tiên đến ngày vợ chồng bà T đình hụi đi khỏi địa phương trùng khớp với số chưng hụi do phía nguyên đơn yêu cầu nên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn dây hụi 2.000.000 đồng x 19 kỳ x 04 chưng = 152.000.000 đồng, 01 chưng hụi chết nguyên đơn phải đóng đến mãn hụi là 09 kỳ là 18.000.000 đồng được trừ lại, bị đơn phải trả tiếp 134.000.000 đồng; dây hụi 1.000.000 đồng đóng 15 kỳ x 2 chưng = 30.000.000 đồng, có gửi 5.000.000 đồng trừ lại, dây hụi này nợ 25.000.000 đồng.

Hụi do ông H làm chủ: Bà T tham gia 02 chưng hụi 1.000.000 đồng của ông H, mở ngày 15/3/2022 âm lịch, hụi có 52 chưng, hốt hết 02 chưng, đóng hụi lại đến hết kỳ khui thứ 14 (ngày 15/10/2022 âm lịch) thì ngưng, hụi chết còn lại phải đóng là 38 kỳ x 02 chưng x 1.000.000 đồng = 76.000.000 đồng. Thực tế hụi chưa mãn, nguyên đơn tràn hụi tính đến ngày xét xử sơ thẩm 18/4/2023, nhằm ngày 28/2/2023 âm lịch (tháng 02 sau) là 11 kỳ x 02 chưng x 1.000.000 đ/chưng = 22.000.000 đồng; còn lại 27 tương đương với 54.000.000 đồng, thực tế nguyên đơn chưa tràn hụi nên nguyên đơn có yêu cầu trả lại giá trị hụi đã giao cho bị đơn nên được chấp nhận, cụ thể:

+ Lần đầu hốt kỳ khui hụi thứ 4 là ngày 30/4/2022 âm lịch, thăm bỏ 450.000 đồng, chủ hụi giao mỗi chưng hụi sống là 550.000 đồng x 27 kỳ hụi = 14.850.000 đồng.

+ Lần thứ 02 hốt hụi kỳ thứ 09 là ngày 15/7/2022 âm lịch, thăm bỏ 500.000 đồng, chủ hụi giao mỗi chưng hụi sống là 500.000 đồng x 27 kỳ hụi = 13.500.000 đồng.

Cộng 02 chưng hụi của dây hụi này là 50.350.000 đồng.

Tổng cộng 03 dây hụi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 209.350.000 đồng.

[2.3] Xét trách nhiệm liên đới:

Trong danh sách hụi do bà T làm chủ ghi tên chủ hụi "Lê T" và danh sách hụi do ông H làm chủ ghi tên "T"; mặc dù trong danh sách hụi không ghi tên ông Q, nhưng việc tham gia hụi cũng như làm chủ hụi đều khui tại nhà vợ chồng bà T và ông Q nhiều lần mà ông Q không phản đối, mặc nhiên thừa nhận cho bà T giao dịch hụi. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án, phía ông Q cũng không có văn bản trả lời về vụ kiện. Do đó, theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định trách nhiệm liên đới của vợ, chồng; Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với giao dịch do một bên thực hiện nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. Vì vậy, buộc ông Q có trách nhiệm liên đới cùng bà T thanh toán tiền hụi là phù hợp.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Huỳnh Văn H, buộc bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q liên đới thanh toán cho ông H tổng số tiền hụi là 209.350.000 đồng (134.000.000đ + 25.000.000đ + 50.350.000đ).

Chậm trả còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án trên tổng số tiền phải thi hành.

Về lãi suất: Đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q phải chịu án phí có giá ngạch đối với toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là 209.350.000 đồng x 5% = 10.467.500 đồng.

Ông H không phải chịu án phí có nộp tạm ứng án phí 6.325.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015890 ngày 29/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 471 của Bộ luật dân sự; Điều 23, 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hụi, họ, biêu, phường; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn H, về việc khởi kiện vợ chồng bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q đòi tiền nợ hụi.

Buộc bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q liên đới thanh toán số tiền hụi cho ông Huỳnh Văn H là 209.350.000 đồng (Hai trăm lẽ chín triệu ba trăm năm mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp bà T, ông Q chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng bà T, ông Q còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí: Bà Lê Thị T và ông Trần Văn Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với toàn bộ yêu cầu của ông H được chấp nhận, tiền án phí phải chịu là 10.467.500 đồng.

Ông H không phải chịu án phí có nộp tạm ứng án phí 6.325.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015890 ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

- Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự.
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Đính